

Số: 448/QĐ - BVTT

Ninh Bình, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2022
của Bệnh viện Tâm thần Ninh Bình**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật Kế toán số 16/2015/L-CTN ngày 04/12/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Công văn số 3724/SYT-KHTC ngày 31/12/2021 của Sở Y tế về việc thực hiện công tác công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Thông báo số: 735/TB-STC-HCSN ngày 14/11/2022 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình về việc thông báo dự toán bổ sung NSNN năm 2022;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Bệnh viện Tâm thần;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung NSNN năm 2022 của Bệnh viện Tâm thần Ninh Bình (Có phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng TC-KT, Trưởng phòng TC-HC chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Y tế, Sở Tài chính;
 - Ban Giám đốc Bệnh viện;
 - Các khoa, phòng;
 - Lưu VT, TC-KT.
- (Gửi qua hệ thống Eoffice;
Cổng TTĐT của bệnh viện)



Dương Thị Quỳnh Hoa

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

DU TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-BVTT ngày 21/12/2022 của Giám đốc bệnh viện Tâm thần)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|-----------|---|-------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách dịch vụ KCB | - |
| 1 | Số thu dịch vụ KCB | |
| 2 | Chi từ nguồn thu dịch vụ KCB | - |
| 2.1 | Chi sự nghiệp | - |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính | - |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Tiền lương, phụ cấp lương, tiền trực,... trong giá dịch vụ KCB theo TT37) | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 268.320 |
| 1 | Loại 070 khoản 085 (Kinh phí đào tạo) | - |
| 1.1 | Kinh phí thường xuyên | |
| 1.2 | Kinh phí không thường xuyên | |
| 2 | Loại 130 khoản 131 | - |
| 2.1 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | |
| 2.2 | Kinh phí không thường xuyên | |
| 3 | Loại 130 khoản 132 | |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 268.320 |
| 3.2 | Kinh phí không thường xuyên | |
| | Tổng cộng số đơn vị được chi (I+II-III) | 268.320 |

Số tiền (bằng chữ): Hai trăm sáu mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn